

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Hải;

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lư Thị Thanh T, sinh năm: 1967; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1950; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, ấp T, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang.

Bà Lư Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lư Thị Thanh T trình bày: Năm 1986, được sự mai mối của gia đình, bà T và ông Nguyễn Văn P cưới nhau, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 143/2002 ngày 27/12/2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông P có tính gia trưởng, thường xuyên ghen tuông vô cớ, hay chửi mắng bà T. Trong quá trình chung sống, bà T đã và

ông P đã từng được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết cho ly hôn. Nhưng bà T vì thương con nên cố gắng hàn gắn gia đình và sống chung lại với ông P. Nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P.

Trong thời gian chung sống, bà T và ông P có 03 con chung đã trưởng thành tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Xuân Kiều, sinh ngày 10/5/1991 và Nguyễn Thành Chơn, sinh ngày 29/01/1996.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Ông P thống nhất với bà T về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Ông P và bà T cưới nhau vào năm 1986, đến ngày 27/12/2002 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc có 03 con chung tên đã trưởng thành tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Xuân Kiều, sinh ngày 10/5/1991 và Nguyễn Thành Chơn, sinh ngày 29/01/1996. Trong quá trình chung sống, bà T thường xuyên chơi với bạn bè, ông P thường khuyên nhưng bà T không nghe, do đó vợ chồng có cãi nhau, nên vợ chồng đã không chung sống với nhau một thời gian khoảng 5 năm nay. Do thương con và nghĩ cho con nên ông P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung, ông P không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Nhận thấy bà T và anh P kết hôn hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, cả hai thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Theo công văn số 40/CV-TA ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xác định ông Nguyễn Văn P và bà Lư Thị Thanh T chưa từng được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết ly hôn từ ngày 27/12/2002 (ngày đăng ký kết hôn) đến ngày 04/10/2017 (ngày khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên). Đồng thời, ông Nguyễn Văn P cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lư Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang vào ngày 27/12/2002 nên hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông P. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống và do ông P có tính gia trưởng, thường xuyên chửi mắng bà T, lại hay ghen tuông vô cớ. Nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P.

Ông P không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Ông P cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà T thường chơi với bạn bè, ông P khuyên không nghe, từ đó vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị Kim Ngân ngày 19/12/2017, là con của ông P và bà T, chị Ngân trình bày: Khi còn sống chung với bà T, ông P tại ấp T, xã A, huyện TB, ông P thường xuyên kiểm chuyện chửi mắng và đánh bà T. Từ đó, bà T và ông P đã không còn sống chung với nhau khoảng 6 năm nay.

Theo biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Ông P và bà T là vợ chồng sinh sống tại ấp Tà Lọt. Việc bà T và ông P mâu thuẫn như thế nào thì ông không biết. Ông chỉ biết bà T đã không về nhà ở khoảng 05 năm trở lại đây.

Từ đó, xét thấy việc mâu thuẫn giữa ông P và bà T là không thể hàn gắn được. Thể hiện ở việc bà T và ông P đã không sống chung với nhau khoảng 5 năm nay, cùng với lời khai của chị Ngân (con ông P và bà T), ông P có chửi mắng và đánh đập bà T. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lư Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn P.

[2.2] Về con chung: Bà Lư Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Pthống nhất trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Xuân Kiều, sinh ngày 10/5/1991 và Nguyễn Thành Chon, sinh ngày 29/01/1996. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, bà Lư Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Pthống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, bà Lư Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Pthống nhất không có.

[2.5] Về án phí, bà Lư Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Pkhông phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Bà Lư Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về án phí: Bà Lư Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên theo biên lai thu số TU/2015/0015864 ngày 04 tháng 10 năm 2017 thành án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Pkhông phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lư Thị Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Plà 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

Võ Thanh Tòng